

Bản án số: 91/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Thuận.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Thương.

2. Ông Lưu Trọng Kim.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Nghĩa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 262/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Cẩm T, sinh năm 1997; *nơi đăng ký HKTT:* Số A, đường B, khu phố C, thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận; *nơi cư trú:* Số 1, đường số 2, thôn 3, xã NC, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1994; *nơi cư trú:* Số A, đường B, khu phố C, thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt chị T và anh T1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 7 năm 2021, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện tìm hiểu khoản 01 năm thì kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VX vào ngày 26/9/2016. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn về kinh

tế, anh T1 thường xuyên chơi cờ bạc, gây nợ nần, không chăm lo cho vợ con. Vì chung sống không có hạnh phúc nên chị và anh T1 đã ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T1, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Anh T2, sinh ngày 08/01/2017. Từ khi ly thân tới nay, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2. Nay chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T2, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Chị hiện làm công nhân tại Công ty Dona ở huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 13 tháng 8 năm 2021 và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Về quá trình kết hôn theo như lời trình bày của chị Phạm Thị Cẩm T là đúng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Việc chị T cho rằng anh có chơi cờ bạc, đó là việc trước đây, nhưng bây giờ anh đã không còn chơi cờ bạc nữa. Anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 5/2021 đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Anh T2, sinh ngày 08/01/2017. Cháu T2 hiện đang sống cùng chị T. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh hiện đang làm nghề nông, thu mua rơm để bán lại, thu nhập trung bình từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng. Anh hiện sống chung cùng với mẹ ruột.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng anh T1 không tham gia nên không thể tiến hành hòa giải được.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VX. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Trong quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn thật sự nghiêm trọng, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về kinh tế. Xét thấy, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2021 đến nay. Tại phiên tòa, chị T cương quyết xin ly hôn với anh T1, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa anh chị không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ.

Về con chung: Chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Anh T2, sinh ngày 08/01/2017, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Từ ngày vợ chồng ly thân đến nay, về con chung do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy chị T có công việc và có thu nhập ổn định, đồng thời cháu T2 còn nhỏ. Căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên giao cháu T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VX vào năm 2016. Thấy rằng, hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa vợ chồng anh chị

phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Căn cứ vào lời khai của chị T và anh T1 thấy rằng, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là do mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặt khác, Tòa án đã thông báo cho anh T1 lên Tòa án tham gia hòa giải nhưng anh không tham gia, chứng tỏ anh không có ý định muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Xét thấy, cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung tên Nguyễn Anh T2, sinh ngày 08/01/2017. Anh chị đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét thấy, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào điều kiện của mỗi bên, cũng như quyền lợi về mọi mặt của con. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, nhận thấy chị T là người có phẩm chất đạo đức tốt, hơn nữa cháu T2 còn nhỏ, chỉ hơn 04 tuổi. Vì vậy, cần giao cháu T2 cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp thực tế và đúng quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên không phải xem xét.

Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**1/ Về hôn nhân:** Chị Phạm Thị Cẩm T ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

**2/ Về con chung:** Giao cho chị Phạm Thị Cẩm T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Anh T2, sinh ngày 08/01/2017. Anh Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cháu Tú hiện đang sống cùng chị T.

**3/ Về tài sản chung, nợ chung:** Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

**4/ Về án phí:** Chị Phạm Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005474 ngày 22/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**5/ Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (08/9/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành** theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- VKSND huyện DL,
- Chi cục THA dân sự huyện DL,
- UBND TT. VX,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Thuận**